

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 22/6/2018

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng đại lý phân bón*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT - TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa và bà Phạm Thị Đỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký TAND huyện Cư Jút.

- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại, thụ lý số 06/2017/TLST-KDTM ngày 09/10/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đại lý phân bón*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 09/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-KDTM ngày 08/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH TC.

Địa chỉ: phố T, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà C - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: phường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông X (Giấy ủy quyền ngày 22/12/2017)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Bị đơn: Bà H.

Địa chỉ: Đường H, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Bà H ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 30/5/2018. (Bà D có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà D.

Địa chỉ: Đường H, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 21/7/2017; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 13/9/2017 của nguyên đơn; bản tự khai ngày 25/10/2017, biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2018 của nguyên đơn và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bà H thanh toán số tiền 260.000.000 đồng tiền nợ 40 tấn phân vi

sinh mà Công ty TNHH TC đã giao cho Hộ kinh doanh H vào các ngày 16/5/2017 và 26/5/2017 để làm đại lý, cụ thể như sau:

Ngày 01/5/2017, Công ty TNHH TC và Hộ kinh doanh H ký hợp đồng đại lý với nhau: Bên giao đại lý: Công ty TNHH TC (Bên A), Bên đại lý: Hộ kinh doanh H (Bên B). Hợp đồng có 08 điều, gồm: thỏa thuận về quyền sở hữu trong đại lý, cơ chế bán hàng và thị trường tiêu thụ; chất lượng hàng hóa, quy cách, số lượng và giá cả; phương thức giao hàng; thời gian và phương thức thanh toán; quyền lợi và trách nhiệm của các bên; điều khoản chung; hiệu lực của hợp đồng. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận giá 01 kg phân vi sinh Azotobacterin là 6.500 đồng, đại lý có trách nhiệm thanh toán cho bên giao đại lý 50% giá trị lô hàng kể từ ngày nhận được hàng, 50% giá trị lô hàng còn lại sẽ thanh toán sau 05 tháng kể từ ngày nhận được hàng. Hình thức ký kết bên A gửi hợp đồng soạn sẵn cho bên B qua Email, bên B ký và gửi lại cho bên A qua bản Scanner.

Ngày 11/5/2017 bà H đã đặt đơn hàng 100 tấn phân vi sinh Azotobacterin, thời gian giao hàng từ 11/5/2017 đến 30/5/2017; phía Công ty TNHH TC đã giao 40 tấn phân vi sinh cho Hộ kinh doanh H vào các ngày 16/5/2017 giao 20 tấn và 26/5/2017 giao 20 tấn, tương ứng với số tiền $40.000 \text{ kg} \times 6.500 \text{ đồng} = 260.000.000 \text{ đồng}$. Sau đó Hộ kinh doanh H không thanh toán 50% giá trị lô hàng cũng như không tất toán toàn bộ giá trị lô hàng cho dù Công ty TNHH TC đã nhắc và đòi nợ nhiều lần. Công ty TNHH TC yêu cầu Tòa án buộc Hộ kinh doanh H phải trả số tiền còn nợ 40 tấn phân bón vi sinh 260.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn do người đại diện theo ủy quyền bà D, cũng đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà H, bà D thừa nhận phần trình bày của nguyên đơn về việc ký kết và nội dung hợp đồng đại lý giữa Công ty TNHH TC và Hộ kinh doanh H. Thừa nhận việc Công ty TNHH TC đã giao cho Hộ kinh doanh H 40 tấn phân vi sinh Azotobacterin và bà H chưa thanh toán tiền cho Công ty TNHH TC, hiện bà H còn nợ Công ty TC số tiền 260.000.000 đồng. Tuy nhiên bà H không đồng ý trả nợ cho công ty TC lý do mặc dù đã bán được 20 tấn nhưng người dân không trả tiền vì phân kém chất lượng. Số phân bón còn tồn 20 tấn không bán được nhưng không thể trả lại cho công ty TC vì bị người dân ngăn cản không cho bốc từ kho gửi về.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định; bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chấp hành, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa bị đơn có văn bản ủy quyền hợp lệ cho người khác tham gia tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt. Về hình thức tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Công ty TNHH TC và bị đơn Hộ kinh doanh H đều có đăng ký kinh doanh, ký hợp đồng đại lý với mục đích lợi nhuận; bị đơn có địa chỉ tại Đường H, tổ dân phố N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ. Do đó, đây là vụ án Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng đại lý” theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ hợp đồng đại lý ký kết ngày 01/5/2017, ngày đến hạn thực hiện nghĩa vụ là 07 ngày sau khi bên đại lý nhận được hàng, theo biên bản giao nhận hàng ngày 16/5/2017 và 26/5/2017 thì bên đại lý đã vi phạm hợp đồng, kể từ ngày 03/6/2017 quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH TC bị xâm phạm. Ngày 02/10/2017 Công ty TNHH TC nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là còn thời hiệu quy định tại Điều 157 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 319 của Luật thương mại năm 2005.

[3]. Về nội dung: Giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận Hợp đồng đại lý ngày 01/5/2017 đã được các bên tự nguyện giao kết giữa đại diện pháp nhân có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch được xác lập theo quy định của pháp luật, các thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng đại lý theo quy định tại Điều 168 của Luật thương mại là phải được lập thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị tương đương. Khoản 2 Điều 119 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản”. Như vậy, Hợp đồng đại lý ký kết ngày 01/5/2017 giữa Công ty TNHH TC và Hộ kinh doanh H tuy chỉ được ký kết qua phương tiện điện tử nhưng tuân thủ quy định của pháp luật, các bên không có tranh chấp là hợp đồng có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên giao kết.

Việc thực hiện hợp đồng giữa Công ty TNHH TC và Hộ kinh doanh H là có thật, nguyên đơn đã cung cấp 01 đơn đặt hàng của bị đơn vào ngày 11/05/2017 và 02 biên bản giao nhận ngày 16/5/2017 và 26/5/2017 (sao y), phía bên giao đại lý đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng tại kho bãi của bên đại lý, số lượng 40 tấn, tương đương với số tiền 40.000 kg x 6.500 đồng = 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Bị đơn cũng thừa nhận nợ nguyên đơn 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Như vậy bị đơn đã vi phạm hợp đồng về điều khoản thanh toán.

Xét lời trình bày của bị đơn thừa nhận nợ và cam kết sẽ trả nợ nhưng bị đơn yêu cầu nguyên đơn đến gặp những người đã mua phân để thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho họ vì nguyên đơn giao hàng không đúng chất lượng. Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào để chứng minh cho việc nguyên đơn vi phạm hợp đồng, giao hàng kém chất lượng, không đưa ra được danh sách những người đã bán phân bị thiệt hại là ai, ở đâu, bị đơn cũng không có đơn yêu cầu phản tố. Do đó quan điểm không đồng ý trả nợ của bị đơn không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Xét tại thời điểm ký kết hợp đồng, hộ kinh doanh H chỉ có 01 thành viên là bà H nên không có căn cứ buộc bà D liên đới trả nợ. Căn cứ quyết định số 15 ngày 17/5/2017 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện C, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Hộ kinh doanh H đã bị thu hồi nên cần buộc cá nhân bà H trả nợ.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của nguyên đơn buộc Hộ kinh doanh H thanh toán số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 13.000.000 (Mười ba triệu đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Trả lại cho nguyên đơn 6.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000923 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C].

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 168; Điều 176; Điều 306 Luật thương mại năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà H thanh toán cho Công ty TNHH TC số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng bị đơn còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc có thỏa thuận khác.

2. Về án phí: Bà H phải nộp 13.000.000 (Mười ba triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho ông ty TNHH TC 6.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000923 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh

(Đã ký)

TAND HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG

Số: 20/2016/TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cư Jút, ngày 31 tháng 8 năm 2016.

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy bản án số 18/2016/HN&GD-ST ngày 19 tháng 8 năm 2016 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông có sự nhầm lẫn về mặt tính toán nên cần thiết phải sửa chữa, bổ sung về nội dung như sau:

- Tại các dòng thứ 09 đến 14 từ dưới lên, trang 10 của bản án đã ghi: Anh Nhanh phải chịu án phí ly hôn là 200.000đ và án phí đối với giá trị tài sản được phân chia $445.424.700 \times 5\% = 22.217.000$ đồng. Được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 008175 ngày 17/8/2015 và 350.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001086 ngày 12/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, còn lại anh Nhanh phải nộp 21.867.000đ (hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: Anh Nhanh phải chịu án phí ly hôn là 200.000đ và án phí dân sự đối với giá trị tài sản được phân chia 445.424.700đ là (20.000.000đ + 45.424.700đ x 4%) = 21.817.000 đồng. Được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 008175 ngày 17/8/2015 và 350.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001086 ngày 12/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, còn lại anh Nhanh phải nộp 21.467.000đ (hai mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Tại các dòng thứ 04 đến 08 từ trên xuống, trang của bản án đã ghi: Về án phí: Anh Nhanh phải chịu án phí ly hôn là 200.000đ và 22.217.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 008175 ngày 17/8/2015 và 350.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001086 ngày 12/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, còn lại anh Nhanh phải nộp 21.867.000đ (hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: Anh Nhanh phải chịu án phí ly hôn là 200.000đ và 21.817.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 008175 ngày 17/8/2015 và 350.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001086 ngày 12/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, còn lại anh Nhanh phải nộp 21.467.000đ (hai mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN THỊ TRÚC LINH